TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/DS-ST
Ngày: 01-8-2017
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Hoàng Dân

2/ Ông Danh Syphal

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Bà Danh Thu Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Mỹ T, sinh năm 1978, trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị K (Hiền), sinh năm 1973 và ông Đặng Hoàng Đ, sinh năm 1969 (chồng Bà K), cùng trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Bà K hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Định Thành (An Giang); Bà K và ông Đ xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ T trình bày:

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2013 (âm lịch) chị Nguyễn Mỹ T (gọi tắt là Chị T) có tham gia 01 phần hụi giá 5.000.000 đồng do vợ chồng bà Huỳnh Thị K và ông Đặng Hoàng Đ (gọi tắt là Bà K, ông Đ) làm chủ hụi, dây hụi gồm có 14 thành viên (15 chân), 03 tháng xổ hụi 01 lần. Chị T góp được 03 lần thì Bà K

tuyên bố bể hụi và bỏ trốn khỏi địa phương, sau đó thì bị bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền Chị T thực đóng cho Bà K mỗi lần khoảng 2.500.000 đồng, 03 lần tổng cộng là 7.500.000 đồng.

Chị T yêu cầu vợ chồng Bà K và ông Đ trả số tiền hụi thực đóng là 7.500.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 7 năm 2017 bà Huỳnh Thị K thừa nhận: Có nợ của Chị T số tiền hụi thực đóng là 7.500.000 đồng. Bà K hẹn khi nào ra tù có điều kiện sẽ trả số nợ trên cho Chị T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 7 năm 2017 đồng bị đơn ông Đặng Hoàng Đ trình bày: Ông Đ thống nhất theo lời khai của Bà K, không có ý kiến gì thêm. Nhưng hiện nay vợ chồng ông Đ không còn tài sản nên xin Tòa án xem xét cho thời gian trả nợ. Vì lý do bận đi làm ăn xa nên ông Đ xin được xét xử vắng mặt.

Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: Giấy ghi hụi đề ngày 25/8/2013 (bản phô tô); Biên bản lấy lời khai Bà K ngày 07/7/2017; Biên bản lấy lời khai ông Đ ngày 20/7/2017.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhưng yêu cầu được khấu trừ sang số nợ Chị T còn thiếu Bà K theo bản án hình sự sơ thẩm số 51/2016/HS-ST ngày 20/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang là 35.000.000 đồng.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy ghi hụi đề ngày 25/8/2013 (photo); Biên bản lấy lời khai Bà K, đề ngày 07/7/2017 (sao y); Biên bản lấy lời khai ông Đ, đề ngày 20/7/2017 (sao y)

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 của Tòa án (có xác nhận của Trại giam Định Thành) thì Bà K thừa nhận có chơi hụi và còn nợ lại Chị T số tiền 7.500.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng***: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn bà Huỳnh Thị K xin được xét xử vắng mặt vì lý do đang bị tù giam nên không thể đến tham dự phiên tòa. Đồng bị đơn là ông Đặng Hoàng Đ (chồng Bà K)

cũng xin được xét xử vắng mặt vì lý do đi làm ăn xa. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Về nội dung vụ án***: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ T về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng Bà K, ông Đ trả số tiền hụi còn thiếu là 7.500.000 đồng và yêu cầu được khấu trừ sang số tiền hụi Chị T còn thiếu Bà K theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang là 35.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2017 bị đơn Bà K thừa nhận có tham gia chơi hụi với Chị T, do Bà K làm chủ hụi. Trong dây hụi này Bà K còn nợ lại Chị T số tiền là 7.500.000 đồng..

Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định việc Bà K có tham gia chơi hụi và còn nợ lại Chị T số tiền 7.500.000 đồng là có thật. Nên yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền 7.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét việc Chị T yêu cầu được khấu trừ số tiền 7.500.000 đồng vào số tiền mà Chị T phải trả cho Bà K theo bản án hình sự sơ thẩm là 35.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền 7.500.000 đồng Bà K còn nợ lại Chị T trong dây hụi 25/8/2013 (âm lịch) và số tiền 35.000.000 đồng Chị T còn nợ lại Bà K trong các dây hụi lừa đảo đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết trong bản án hình sự là khác nhau, vì vậy không thể khấu trừ. Chị T và Bà K có thể thỏa thuận khấu trừ nợ lẫn nhau trong giai đoạn thi hành án sau này.

Về trách nhiệm trả nợ: Việc Bà K làm chủ hụi ông Đ cũng biết và cũng thống nhất với lời trình bày của Bà K. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30…và Điều 37 của Luật này*".

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: ...Nghĩa vụ do vợ chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình...*".

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông Đ, Bà K chịu trách nhiệm liên đới trả cho Chị T số tiền là 7.500.000 đồng.

[3]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà K và ông Đ phải chịu tiền án phí là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo lai thu số 0006524 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh

Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 15, Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ T đối với bị đơn bà Huỳnh Thị K và ông Đặng Hoàng Đ về việc tranh chấp hụi.

2. Buộc bà Huỳnh Thị K và ông Đặng Hoàng Đ chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Mỹ T số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bà K, ông Đ phải chịu tiền án phí là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo lai thu số 0006524 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Tuấn Khanh

<u>Nơi nhận</u>:

- *TAND Tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND H. U Minh Thượng;*
- *Chi cục THA Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*;